

Ngày/ Date: 16/07/2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(Từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026)
(From 01/01/2026 to 30/06/2026)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
To: - The State Securities Commission
- Hanoi Stock Exchange

- Tên công ty/Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại/Telephone: (0251)3511138 Fax: (0251)3512498
- Email: contact@wonderfarmonline.com
- Vốn điều lệ/Charter capital: 871.409.920.000 VNĐ
- Mã chứng khoán/Stock symbol: IFS
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Management, Board of Supervisors, General Director and Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện/ The implementation of internal audit: Not yet implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông / Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Interfood được tổ chức vào ngày 16 tháng 4 năm 2026 đã thông qua nghị quyết sau:

Interfood's 2026 Annual General Meeting of Shareholders held on April 16, 2026 adopted the following resolution:

Stt/ No.	Số Nghị quyết/ Resolution No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content
-------------	-------------------------------------	---------------	-------------------

1	AGM-2026	16/04/2026	- Chấp thuận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty. <i>Approve to adopt the Report of business operation results in 2025 of the Company.</i> - Chấp thuận thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. <i>Approve to adopt the Financial Statement for the fiscal year 2025 of the Company audited by KPMG Vietnam.</i> - Chấp thuận thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Công ty về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2025. <i>Approve to adopt the Report of the Board of Management (“BOM”) of the Company on the governance and the operation results of the BOM and each BOM member in 2025.</i> - Chấp thuận thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát (“BKS”) về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc (“TGD”) trong năm 2025. <i>Approve to adopt the Report of the Supervisory Board (“SB”) about the operation results of the Company, performance result of the BOM and General Director (“GD”) in 2025.</i> - Chấp thuận cho Công ty kê khai và chia cổ tức năm 2025. <i>Approve that the Company will declare and allocate dividend in 2025.</i> - Chấp thuận cho Công ty không kê khai và trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2025. <i>Approve that the Company will not declare and pay remuneration for the members of the BOM and SB in 2025.</i> - Chấp thuận thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty với doanh thu thuần dự kiến đạt khoảng 2.185 tỷ đồng và lợi nhuận ròng trong năm 2026 khoảng 147 tỷ đồng. <i>Approve to adopt the Business plan in 2026 of the Company pursuant to which the expected Net sales and services is VND 2,185 billion and Net Profit for the year in 2026 is about VND 147 billion.</i> - Chấp thuận thông qua nội dung Phụ lục sửa đổi của Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Phụ lục Điều lệ”) và Người đại diện theo pháp luật Công ty có trách nhiệm ký và ban hành Phụ lục Điều lệ. <i>Approve to adopt the contents of Addendum to the current Charter of Interfood Shareholding Company (“Addendum to Charter”) and the Legal Representative person is responsible to sign and issue the Addendum to Charter.</i> - Miễn nhiệm vị trí Thành viên HĐQT, BKS. <i>The dismissal of the position of Members of the BOM, SB.</i>
---	----------	------------	---

			- Bổ nhiệm các vị trí chủ chốt: Thành viên HĐQT, BKS <i>Appointment of key positions: The members of the BOM and SB.</i>
--	--	--	---

II. Hội đồng quản trị (Năm 2026)/ Board of Management (Year 2026):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Management (BOM):*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>The BOM's members</i>	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)/ <i>Position</i> (<i>Independent members of the BOM, Non-executive members of the BOM</i>)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the BOM</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông (Mr.) Atsushi Kawasaki	Thành viên HĐQT/ <i>member of the BOM</i>	18/04/2025	
2	Ông (Mr.) Hiroaki Takaoka	TVHĐQT không điều hành/ <i>Non-executive member of the BOM</i>)	21/04/2022	01/07/2026
3	Bà (Ms.) Moeko Masukawa	Chủ tịch kiêm Thành viên HĐQT/ <i>Chairman cum member of the BOM</i>	01/10/2025	

2. Các cuộc họp HĐQT/ *Meetings of the BOM:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>The BOM's members</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by BOM</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông (Mr.) Atsushi Kawasaki	5/5	100%	
2	Ông (Mr.) Hiroaki Takaoka	5/5	100%	
3	Bà (Ms.) Moeko Masukawa	5/5	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ Supervising activities of the Board of Management to the Board of Directors:

Căn cứ Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2026 như sau:

Under the Charter, the Operation Rules of the BOM and Corporate Governance Regulation of the Company, the BOM conducted its supervision on activities of General Director (GD) and the Board of Directors (BOD) for Year 2026 as follows:

3.1 Phương thức giám sát/ Method of supervision:

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc khi cần thiết, trao đổi và thảo luận trực tiếp hoặc bằng các phương tiện thông tin liên lạc như điện thoại và thư điện tử.

Through BOM meetings organized periodically or as necessary, discussion and consultation conducted directly or via telephone and electronic mail.

- Thông qua các báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD và Ban Giám đốc về tiến độ thực hiện, cũng như những khó khăn, vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

Through adequate, detailed and timely reports of GD and BOD reporting progress of business plan execution, pointing out its difficulties and obstacles as well as the causes and proposed solutions.

- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.

Collaboration with Supervisory Board in supervising the activities of GD and BOD.

3.2 Nội dung giám sát/ Contents of supervision:

- Giám sát và đánh giá mức độ hiệu quả của TGD và BGD trong hoạt động điều hành, tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được phê duyệt.

Supervision and evaluation of the operational efficiency of GD and BOD on management, execution of BOM resolutions, implementation of business plan and investment project.

- Đánh giá kết quả hoạt động của Quý I-II/2026, xem xét điều chỉnh và chuẩn bị kế hoạch kinh doanh cho Quý III-IV/2026 phù hợp với mục tiêu và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2026;

Evaluating business performances in Quarter I-II/2026, considering to revise and prepare for business activities in Quarter III-IV/2026 in accordance with the objectives and business plan of the Company in 2026;

- Dưới sự chỉ đạo của TGD và Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đề ra, tăng cường hoạt động bán hàng và nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ kinh doanh; Thực hiện giảm chi phí sản xuất và sử dụng hiệu quả chi phí bán hàng nhằm cải thiện lợi nhuận hoạt động.

Under the management and direction of the GD and BOD, the Company has conducted its business activities as enhance selling activities and improve competencies of its sales team; Implementation of manufacturing cost reduction and effective and efficient use of selling expenses to improve operating profitability.

- Ngoài ra, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026; triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh và quản trị công ty theo đúng các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Besides, the Company has organized the Annual General Meeting of Shareholders in 2026; implemented business plan and corporate governance activities in accordance with resolutions of AGM and BOM.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ Activities of the BOM's subcommittees:

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, Công ty đã có sự phân công công việc giữa các thành viên HĐQT và bổ nhiệm Ban giám đốc với các thành viên chuyên trách về Kinh doanh, Tiếp thị, Sản xuất, Tài chính, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ để hỗ trợ HĐQT trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Sub-Committees of BOM have not been established. However, BOM members worked with clear assignments and close coordination; appointed BOD members in charge of Sales, Marketing, Production, Finance, Human Resources and Internal Control respectively to support BOM in management of the Company business activities.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026)/ Resolutions of the BOM (first 6 months report of 2026):

Stt No.	Số Nghị quyết <i>Resolution No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	RBM260112	12/01/2026	Hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với những người/ tổ chức liên quan, người nội bộ của Công ty. <i>Contracts/ transactions between the Company with the related persons/ organizations, internal persons of the Company.</i>	100%
2	RBM260122	22/01/2026	- Lịch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2026 của Công ty. <i>Schedule to organize the Annual General Meeting of Shareholders in 2026 of the Company.</i> - Hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với những người/ tổ chức liên quan, người nội bộ của Công ty. <i>Contracts/ transactions between the Company with the related persons/ organizations, internal persons of the Company.</i>	100%
3	RBM260323	23/03/2026	- Hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với những người/ tổ chức liên quan, người nội bộ của Công ty. <i>Contracts/ transactions between the Company with the related persons/ organizations, internal persons of the Company.</i> - Các nội dung đề xuất thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ <i>Contents propose to adopt at the Annual General Meeting of Shareholders in 2026.</i>	100%
4	RBM260331	31/03/2026	Hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với những người/ tổ chức liên quan, người nội bộ của Công ty. <i>Contracts/ transactions between the Company with the related persons/ organizations, internal persons of the Company.</i>	100%
5	RBM260428	28/04/2026	Hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với những người/ tổ chức liên quan, người nội bộ của Công ty. <i>Contracts/ transactions between the Company with the related persons/ organizations, internal persons of the Company.</i>	100%
6	RBM260629	29/06/2026	Hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với những người/ tổ chức liên quan, người nội bộ của Công ty. <i>Contracts/ transactions between the Company with the related persons/ organizations, internal persons of the Company.</i>	100%

III. Ban kiểm soát (Năm 2026)/ *Board of Supervisors (Year 2026):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Board of Supervisors</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Ông (Mr.) Nguyễn Thanh Bách	Trưởng BKS/ <i>Chief of SB</i>	10/04/2019 (Ngày bắt đầu/ <i>The date becoming</i>)	Đại học, Chứng chỉ Kiểm Toán Viên do Bộ Tài Chính cấp <i>Bachelor, Auditor Certificate issued by the Ministry of Finance</i>
2	Bà (Ms.) Thái Thu Thảo	Thành viên/ <i>Member</i>	12/04/2012 (Ngày bắt đầu/ <i>The date becoming</i>)	Đại học Tài chính – Kế toán/ <i>Bachelor, Accounting – Financing</i>
3	Bà (Ms.) Yoko Misawa	Thành viên/ <i>Member</i>	16/04/2026 (Ngày bắt đầu/ <i>The date becoming</i>)	Cử nhân Nông nghiệp/ <i>Bachelor of Agriculture</i>
4	Ông (Mr.) Akihiro Kurosawa	Thành viên/ <i>Member</i>	16/04/2026 (Ngày không còn là thành viên BKS <i>The date ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>)	Cử nhân kinh tế; Chứng chỉ Kiểm toán viên nội bộ; Chứng chỉ Kiểm toán viên Hệ thống thông tin; Chứng chỉ Người kiểm tra gian lận/ <i>Bachelor of Economics; Certified Internal Auditor; Certified Information Systems Auditor; Certified Fraud Examiner</i>

2. Cuộc họp của BKS/ *Meetings of Board of Supervisors*

Stt No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Ông (Mr.) Nguyễn Thanh Bách	2/2	100%	100%	
2	Bà (Ms.) Thái Thu Thảo	2/2	100%	100%	
3	Ông (Mr.) Akihiro Kurosawa	2/2	100%	100%	
4	Bà (Ms.) Yoko Misawa	0/2	0%		Bổ nhiệm có hiệu lực từ 16/04/2026/ <i>Appointed effective from 16/04/2026</i>

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ *Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

Trong năm 2026, BKS tiếp tục thực hiện kiểm tra, giám sát và đề xuất HĐQT thực hiện những thay đổi cần thiết nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, tăng cường hoạt động quản trị và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Những hoạt động chính của BKS trong năm 2026 như sau:

In 2026, the SB continued inspecting, supervising and recommending necessary changes to the BOM in order to ensure compliance with applicable laws, enhance corporate governance, and improve effectiveness of business operations of the Company. Main activities of the SB in 2026 were as follows:

- Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc (BGĐ) trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.

Supervision over the BOM, General Director (GD) and the Board of Directors (BOD) with respect to the management and administration of the Company to ensure the compliance with laws and Company's rules.

- Giám sát HĐQT, TGD và BGĐ trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và các dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.

Supervision over the BOM, GD and BOD with respect to the issuance and execution of the resolutions of AGM and BOM, implementation of business plan and investment projects approved by the AGM.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

Review, inspection and evaluation of the effectiveness and efficiency of systems of internal control, internal audit, risk management and early warning of the Company.

- Rà soát và kiểm tra các báo cáo tài chính (quý, bán niên và báo cáo năm) trong năm 2026 đã được soát xét và kiểm toán bởi KPMG Việt Nam để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm toán cũng như đảm bảo tính minh bạch, chính xác và đáng tin cậy của các báo cáo tài chính.

Review and inspection of the financial statements (quarterly, biannual and annual financial statement) in 2026 examined and audited by KPMG Vietnam to ensure the independence and objectivity in auditing activities and ensure the transparency, accuracy and reliability of the financial reports.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

- Tham dự cuộc họp và/hoặc tham gia thảo luận trong các cuộc họp HĐQT.
Participate in and/or discuss at the BOM meetings of the company.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban Giám đốc.
Collaboration with BOM in supervising the activities of GD and BOD.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ Other activities of the Board of Supervisors (if any): Không/ None

IV. Ban điều hành (BGĐ)/ Board of Directors (BOD)

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Directors	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ Date of appointment / dismissal of members of the Board of Directors
1	Ông (Mr.) Atsushi Kawasaki	11/11/1978	Cử nhân/ Bachelor	28/03/2025 (Ngày bổ nhiệm / Date of appointment)

2	Ông (Mr.) Segawa Toshinori	01/08/1976	Cử nhân/ <i>Bachelor</i>	01/04/2025 (Ngày bổ nhiệm / <i>Date of appointment</i>)
3	Ông (Mr.) Shinya Omori	20/12/1982	Cử nhân/ <i>Bachelor</i>	01/10/2024 (Ngày bổ nhiệm / <i>Date of appointment</i>)
4	Bà (Ms.) Moeko Masukawa	27/05/1991	Thạc sĩ/ <i>Master</i>	01/09/2025 (Ngày bổ nhiệm / <i>Date of appointment</i>)

V. Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>
Ông (Mr.) Nguyễn Hồng Phong	28/10/1977	Cử nhân kinh tế (<i>Bachelor of Economics</i>)	01/04/2016

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty / *Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

- Thư ký Công ty, Người phụ trách Quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin đã tham dự khóa đào tạo Chương trình Chuyên sâu về Thư ký Quản trị Công ty (CSMP11) do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức trong tháng 5 năm 2026.

Company secretary, Person in charge of Corporate Governance, Authorized person to disclose information took part in the training course on Corporate Secretary Master Program (CSMP11) conducted by the Vietnam Institute of Directors (VIOD) in May 2026.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *The list of affiliated persons of the public company (Year 2026) and transactions of affiliated persons of the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *The list of affiliated persons of the Company*

Vui lòng xem Phụ lục 1: Danh sách người có liên quan và người nội bộ - 2026

Please refer to Appendix 1: List of affiliated persons and internal persons - 2026

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

Vui lòng xem Phụ lục 2: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ - 2026.

Please refer to Appendix 2: Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons. – 2026.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

KHÔNG/ NO

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Management, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

KHÔNG/ NO

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Management, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Management, Director (General Director or CEO).*

KHÔNG/ NO

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Management, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

KHÔNG/ NO

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Năm 2026)/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Year 2026)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons.*

Vui lòng xem Phụ lục 1: Danh sách người có liên quan và người nội bộ - 2026

Please refer to Appendix 1: List of affiliated persons and internal persons - 2026

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*

KHÔNG/ NO

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues:* KHÔNG/ NO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF MANAGEMENT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)



MOEKO MASUKAWA

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN VÀ NGƯỜI NỘI BỘ/ APPENDIX 01: LIST OF AFFILIATED PERSONS AND INTERNAL PERSONS OF IFS

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026/ Reporting period: First 6 months of 2026

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
I- Hội đồng quản trị/ Board of Management														
1	Aisushi Kawasaki	-	Thành viên HĐQT Member of the BOM								18/04/2025		Từ 18/4/2025: được bổ nhiệm là thành viên HĐQT/ From 18 04 2025: appointed as Member of the Board of Management	Thành viên HĐQT/ BOM Member
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
1.1	Toshihiko Kawasaki	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.2	Naoko Kawasaki	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.3	Asami Kawasaki	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.4	Takuto Kawasaki	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
1.5	Reina Kawasaki	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.6	Hiroshi Kawasaki	-	Anh/Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.7	Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam/ Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (VKBCL	-	Chủ tịch Hội đồng thành viên/ Chairman of Members' council								01/07/2025		Từ 01/07/2025 là Chủ tịch Hội đồng thành viên / from 01/07/2025: appointed as the Chairman of Member's council	Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization
2	Hiroaki Takaoka	-	TVHDQT không điều hành/ Non-executive member of the BOM								21/04/2022		Từ 21/4/2022 là Thành viên HDQT/ from 21/4/2022: appointed as the BOM Member	TVHDQT không điều hành/ Non-executive member of the BOM)
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
2.1	Yoshihiko Takaoka	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.2	Tamiko Takaoka	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.3	Satsuki Takaoka	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
2.4	Kyohei Takaoka	-	Con/ son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.5	Ryusuke Takaoka	-	Con/ son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.6	Katsuji Takaoka	-	Anh/em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.7	Chiyo Ogawa	-	Chị/em gái/Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3	Moeko Masukawa	-	Chủ tịch kiêm Thành viên HĐQT/ Chairman cum member of the BOM								01/10/2025		Từ 01/10/2025, là Chủ tịch HĐQT / from 01/10/2025, appointed as the BOM Chairman	Chủ tịch kiêm Thành viên HĐQT/ Chairman cum member of the BOM
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
3.1	Kiyonori Masukawa	-	Cha/ Father											
3.2	Tomoko Masukawa	-	Mẹ/ Mother											
3.3	Shun Masukawa	-	Anh/ Em trai/ Brother											
	II- Ban Giám đốc/ Board of Directors													

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
1	Atsushi Kawasaki		Tổng Giám đốc Kiểm Giám đốc Kiểm soát Nội bộ/ General Director cum Director General Manager of Internal Control (Bỏ nhiệm từ 28/3/2025/ appointed from 28/03/2025)											
2	Toshinori Segawa	-	Thanh viên BGD/ Giám đốc Nhà máy / Director General Manager of Factory	Marriott Hotel & Suites Saigon (1503) 39 Lê Duẩn Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Hồ chiếu Passport	TS2430868	09/01/2019	Bộ Ngoại giao Nhật Bản/ Ministry of Foreign Affairs of Japan	0	0,00%	01/04/2025		Từ 01/4/2025 được bổ nhiệm là Thanh viên BGD/ Giám đốc Nhà máy / Director General Manager of Factory	Thanh viên BGD/ Giám đốc Nhà máy / Director General Manager of Factory
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
2.1	Eizo Segawa	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.2	Reiko Segawa	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

Xem "I – Hội đồng quản trị" / Refer to "I- Board of Management"

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
2.3	Yuka Segawa	-	Vợ/ Wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.4	Shuta Segawa	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.5	Shioi Segawa	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.6	Etsuko Segawa	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization														
2.7	Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam/ Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (TKBC)	-	Tổng Giám đốc/ General Director								01-04-2025		Từ 01/4/2025 được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc / From 01 04 2025: appointed as General Director	Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
3	Shinya Omori	-	Thành viên BGD/ Giám đốc Tiếp thị kiêm Giám đốc Bán hàng								1/10/2024		Từ 01/10/2024 là Thành viên BGD/ from 01/10/2024; appointed as the BOD Member	Thành viên BGD/ Giám đốc Tiếp thị kiêm Giám đốc Bán hàng / Director/ General Manager of Marketing cum General Manager of Sales
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
3.1	Michiharu Omori	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.2	Tomino Omori	-	Me/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.3	Maki Omori	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.4	Kento Omori	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
3.5	Reika Omori	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.6	Takuya Omori	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4	Moeko Masukawa	-	Thành viên HĐQT/ Giám đốc Kế hoạch Director/ General Manager of Planning											
Xem "I – Hội đồng quản trị"/ Refer to "I- Board of Management "														
III – Ban Kiểm soát (BKS)/ Supervisory Board (SB)														
1	Nguyễn Thanh Bách	006C2909 87 (Công ty chứng khoán ACBS)	Trưởng BKS/ chief of SB										Từ 10/4/2019 là Thành viên BKS/ from 10.4.2019; appointed as the SB Member	Trưởng BKS/ Chief of SB
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
1.1	Vũ Thị Hòa		Me/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.2	Nguyễn Văn Tạc	-	Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
1.3	Nguyễn Lê Bảo Châu	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.4	Nguyễn Thanh Tùng	-	Anh trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.5	Trần Thị Tường Vi	-	Vợ/ Wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.6	Nguyễn Trần Minh Danh		Con/Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2	Thái Thu Thao	-	Thành viên BKS/ SB Member								12/04/2012		Từ 12/4/2012 là Thành viên BKS/ from 12 4 2012; appointed as the SB Member	Thành viên BKS/ SB Member of IFS
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
2.1	Thái Văn Phùng	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.2	Võ Thị Búp	-	Mẹ/ Mother										Mất từ 2016/Died in 2016	Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.3	Trần Huyền Lân	-	Chồng/ Husband											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
2.4	Trần Thái	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.5	Trần Thái Bảo Trần	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.6	Thái Quốc Thông	-	Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3	Akihiro Kurosawa	-	Thành viên Ban Kiểm soát Member of the Supervisory Board									16/04/2026	Từ 16/4/2026; không còn là thành viên BKS / From 16/04/2026; ceasing to be the member of the Board of Supervisors	Thành viên BKS/ SB Member of IFS
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
3.1	David Mukai	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.2	Motoko Kurosawa	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.3	Yukari Kurosawa	-	Vợ/ Wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
3.4	Ryo Kurosawa	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4	Yoko Misawa	-	Thành viên Ban Kiểm soát/ Member of the Supervisory Board								16/4/2026		Từ 16/04/2026: được bổ nhiệm là thành viên BKS/ From 16-4-2026: appointed as Member of the Supervisory Board	Thành viên BKS/ SB Member of IFS
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
4.1	Không/ None	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.2	Keiko Nioka	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.3	Takuma Misawa	-	Chồng/ Husband											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
4.4	Haruto Misawa	-	Con trai/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.5	Emma Misawa	-	Con gái/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
IV - Kế toán trưởng/ Chief Accountant														
1	Nguyễn Hồng Phong	-	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán/ Chief Accountant cum Manager of Finance and Accounting										Từ 10/4/2016 là Kế toán trưởng kiêm Trưởng Tài chính Kế toán/ From 10.4.2016: appointed as the Chief Accountant cum Manager of Finance and Accounting	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán/ Chief Accountant cum Manager of Finance and Accounting
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
1.1	Nguyễn Văn Mậu	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.2	Nguyễn Thị Phần	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.3	Nguyễn Thị Mộng Đào	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.4	Nguyễn Hồng Hạnh	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.5	Nguyễn Hồng Bảo Ngọc	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.6	Nguyễn Hồng Ngọc	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.7	Nguyễn Thanh Hải	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.8	Nguyễn Minh Châu	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
1.9	Nguyễn Thị Phương Lan	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.10	Nguyễn Thị Hương	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
V - Người phụ trách Quản trị công ty/ Person in charge of Corporate Governance														
1	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	-	Phó phòng Pháp lý/ Deputy Manager of Legal Department								01/10/2025		Từ 01/10/2025 được bổ nhiệm là Người phụ trách Quản trị Công ty/ From 01/10/2025; appointed as Person in charge of Corporate Governance	Người phụ trách Quản trị công ty/ Person in charge of Corporate Governance
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
1.1	Nguyễn Văn Sau	-	Cha/ Father										Chết năm 2000/Died in 2000	Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.2	Nguyễn Thị Kim Tuyền	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
1.3	Nguyễn Thị Diễm Châu	-	Chị/ Em gái/ Sister										Chết năm 2018/Died in 2018	Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.4	Nguyễn Thị Kim Chi	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.5	Nguyễn Minh Hoàng Ngọc Đạt	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.6	Nguyễn Xuân Hạnh	-	Chồng/ Husband											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.7	Nguyễn Minh Nhân	-	Con trai/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.8	Nguyễn Long Quân	-	Con trai/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
	VI - Tổ chức liên quan khác/ Affiliated organization													

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
1	Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam/ Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (VKBK)	-	Được quản lý cùng chung một công ty KHSPL (under the management of the same entity - KHSPL)	Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, P. Bến Cát, TP. HCM, Việt Nam	ĐKDN/ ERC	3700895030	14/04/2008	Sở Tài chính TP. HCM/ HCM City Department of Finance	0	0,00%				Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization
2	Kirin Holdings Company, Limited. (KH)	CA8658	Công ty Mẹ cuối cùng (Ultimate Parent Company)	10-2, Nakano 4-chome, Nakano-ku, Tokyo	ĐKD/ ERC	0100-01-034768	23/02/1965	Nhật bản/Japan	0	0,00%				Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization
3	Kyowa Hakko Bio Singapore Pte, Ltd		Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	101 Thomson Road, #09-03, United Square, Singapore (307591)	ĐKD/ ERC	201002185G	28/01/2010	Singapore	0	0,00%				Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization
4	Kirin Engineering Company, Limited - Taipei Branch		Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	16F-2, No.57 Fuxing N Rd., Taipei 105404, Taiwan	ĐKD/ ERC	27930921	18/04/2011	Đài Loan/Taiwan	0	0,00%				Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
5	Chi nhánh Công ty Kirin Engineering Company, Limited tại Việt Nam/ Branch of Kirin Engineering Company, Limited in Viet Nam		Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	2AA, tầng 6, Saigon Centre, 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, Q1, TPHCM	ĐKKD/ ERC	2022-02	21/03/2022	Việt Nam	0	0,00%				Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization
6	Kirin Holdings Singapore PTE.LTD (KHSPL)	CA8658	Công ty Mẹ (Parent Company)	18CrossStreet402-401 CrossStreetExchange Singapore(08423)	ĐKKD/ ERC	201021873N	13/10/2010	Singapore						Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization
7	Kirin Engineering Company, Limited		Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	1-1-25 Shin- Urashima-cho, Kanagawa-ku, Yokohama-shi, Kanagawa-ken	ĐKKD/ ERC	49368	22/12/2021	Nhật bản/ Japan	0	0,00%				Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
8	Kirin Engineering Nhật Bản – Thái chính Dự án Cải tạo Nhà xưởng và Xây mới Nhà kho CTCP Thực phẩm QT / Japan Kirin Engineering – Main Contractor of Factory Renovation and New Warehouse Construction Project of Interfood Shareholding Company	-	Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	Lô 13, KCN Tam Phước, P. Tam Phước, Đồng Nai/ Lot 13, Tam Phuoc TZ, Tam Phuoc Ward, Dong Nai	Quyết định Sở Xây Dựng/ Decision of Department of Construction	13/QĐ-SXD	24/01/2025	Sở Xây Dựng Đồng Nai/ Dong Nai province Department of Construction	0	0,00%				Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ liên lạc	Loại hình ID (CMND/CC CD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
9	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd	-	Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	1-6-1, Otemachi, Chiyoda City, Tokyo Metropolis	ĐKDN/ ERC	0100-01-120399	1/10/2008	Nhật bản/ Japan	0	0,00%				Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization
VII - Cá nhân có liên quan khác/ Other affiliated persons														
1	Matsuo Hidetumi		Giám đốc của Công ty mẹ/ Director of Parent company- KHSPL								01/03/2026		Từ 01/03/2026 là Giám đốc/ From 01/03/2026: appointed as Director	Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

PHỤ LỤC 02: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐỒNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ - 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

APPENDIX 02: TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS – FIRST 6 MONTHS OF 2026

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026/ Reporting period: First 6 months of 2026

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Loại hình ID (CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú (loại giao dịch, hợp đồng, số lượng, số tiền)
No.	Name of organization/ individual	Relationship with the Company	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Address	Time of transactions with the Company	Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Management (if any, specifying date of issue)	Content, total quantity, value of transaction	Note
I	Tổ chức liên quan/ Affiliated organization										
I	Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam/ Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (VKBC)	Được quản lý cùng chung một công ty KHSPL (under the management of the same entity – KHSPL)	ĐKDN/ ERC	3700895030	14/04/2008	Sở Tài chính TP. HCM/ HCM City Department of Finance	Lô D-3A- CN, KCN Mỹ Phước 2, P. Bến Cát, TP. HCM, Việt Nam	Từ 1/1/2026 đến 30/06/2026 (From 1/1/2026 to 30/06/2026)	(A)	Tổng (total) 200.312.423 ngàn (thousand) VND	(A)

2	Kirin Holdings Company, Limited. (KH)	Công ty Mẹ cuối cùng (Ultimate Parent Company)	ĐKDN/ ERC	0100-01-034768	23/02/1965	Nhật Bản/ <i>Japan</i>	10-2, Nakano 4- chome, Nakano-ku, Tokyo	Từ 1/1/2026 đến 30/06/2026 (From 1/1/2026 to 30/06/2026)	(B)	Tổng (total) 4.205.387 ngàn (thousand) VND	(B)
3	Kyowa Hakko Bio Singapore Pte. Ltd	Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	ĐKDN/ ERC	201002185G	28/01/2010	Singapore	101 Thomson Road, #09- 03, United Square, Singapore (307591)	Từ 1/1/2026 đến 30/06/2026 (From 1/1/2026 to 30/06/2026)	(C)	Tổng (total) 0 ngàn (thousand) VND	(C)
4	Kirin Engineering Company, Limited - <i>Taipei Branch</i>	Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	ĐKDN/ ERC	27930921	18/04/2011	Đài Loan/ <i>Taiwan</i>	16F-2, No.57 Fuxing N Rd., Taipei 105404, Taiwan	Từ 1/1/2026 đến 30/06/2026 (From 1/1/2026 to 30/06/2026)	(D)	Tổng (total) 0 ngàn (thousand) VND	(D)
5	Chi nhánh Công ty Kirin Engineering Company, Limited tại Việt Nam/ <i>Branch of Kirin Engineering Company, Limited in Viet Nam</i>	Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	ĐKDN/ ERC	2022-02	21/03/2022	Việt Nam	2AA, tầng 6, Saigon Centre, 65 Lê Lợi, phường Sài Gòn, TPHCM	Từ 1/1/2026 đến 30/06/2026 (From 1/1/2026 to 30/06/2026)	(E)	Tổng (total) 0 ngàn (thousand) VND	(E)

6	Kirin Holdings Singapore PTE.LTD (KHSPL)	Công ty Mẹ (Parent Company)	ĐKDN/ ERC	201021873N	13/10/2010	Singapore	18CrossStreet #02-101 Cross StreetExchange Singapore (04825)	Từ 1/1/2026 đến 30/06/2026 (From 1/1/2026 to 30/06/2026)	(F)	Tổng (total) 0 ngàn (thousand) VND	(F)
7	Kirin Engineering Company, Limited	Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	ĐKDN/ ERC	49368	22/12/2021	Nhật Bản/ Japan	1-1-25 Shin- Urashima- cho, Kanagawa- ku, Yokohama- shi, Kanagawa- ken	Từ 1/1/2026 đến 30/06/2026 (From 1/1/2026 to 30/06/2026)	(G)	Tổng (total) 0 ngàn (thousand) VND	(G)
8	Kirin Engineering Nhật Bản – Thảo chính Dự án Cải tạo Nhà xưởng và Xây mới Nhà kho CTCP Thực phẩm QT / Japan Kirin Engineering – Main Contractor of Factory Renovation and New Warehouse Construction Project of Interfood Shareholding Company	Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	Quyết định Sở Xây Dựng tỉnh Đồng Nai/ Decision of Dong Nai province Department of Construction	13/QĐ-SXD	24/01/2025	Nhật Bản/ Japan	Lô 13, KCN Tam Phước, P. Tam Phước, tỉnh Đồng Nai/ Lot 13, Tam Phuoc IZ, Tam Phuoc Ward, Dong Nai province	Từ 1/1/2026 đến 30/06/2026 (From 1/1/2026 to 30/06/2026)	(H)	Tổng (total) 42.821.401 ngàn (thousand) VND	(H)
9	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd	Được quản lý cùng chung một Công ty Mẹ cuối cùng KH (under the management of the same Ultimate Parent Company)	ĐKDN/ ERC	0100-01-120399	1/10/2008	Nhật Bản/ Japan	1-6-1, Otemachi, Chiyoda City, Tokyo Metropolis	Từ 1/1/2026 đến 30/06/2026 (From 1/1/2026 to 30/06/2026)	(I)	Tổng (total) 0 ngàn (thousand) VND	(I)

GHI CHÚ: loại giao dịch/hợp đồng/số tiền; Số nghị quyết, ngày nghị quyết
NOTE: Content/total value of transaction; Resolution No, date of issue

- (A) **Giao dịch giữa công ty và Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam - (ĐVT 1000 Đồng)**
Transaction between the Company and Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (VKBC) - (Unit in 1000 VND)
- (1) Phí gia công: 196.577.770 (*Processing fee: 196,577,770*)
 - (2) Mua dịch vụ: 3.676.430 (*Purchases of services: 3,676,430*)
 - (3) Bán thành phẩm: 53.745 (*Sale of finished goods: 53,745*)
 - (4) Mua hàng hóa: 4.478 (*Purchases of goods: 4,478*)
 - (5) Nhận bồi thường: 0 (*Receive compensation: 0*)
 - (6) Chi phí bồi thường: 0 (*Compensation cost: 0*)
- Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (ngày ban hành)
Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Management (date of issue)
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM260112; ngày/ date: 12/01/2026
- (B) **Giao dịch giữa công ty và Kirin Holdings Company, Limited. (KH) - (ĐVT 1000 Đồng)**
Transaction between the Company and Kirin Holdings Company, Limited. (KH) - (Unit in 1000 VND)
- (1) Phí biệt phái nhân sự: 4.205.387 (*Secondment fee: 4,205,387*)
 - (2) Mua dịch vụ: 0 (*Purchases of services: 0*)
- Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (ngày ban hành)
Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Management (date of issue)
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM241112; ngày/ date: 12/11/2024
 - Nghị quyết số/ Resolution No. RBM251104; ngày/ date: 04/11/2025
 - Nghị quyết số/ Resolution No. RBM260331; ngày/ date: 31/03/2026
- (C) **Giao dịch giữa công ty và Kyowa Hakko Bio Singapore Pte, Ltd - (ĐVT 1000 Đồng)**
Transaction between the Company and Kyowa Hakko Bio Singapore Pte, Ltd - (Unit in 1000 VND)
- (1) Mua hàng hóa: 0 (*Purchases of goods: 0*)
- Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (ngày ban hành)
Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Management (date of issue)
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM241112; ngày/ date: 12/11/2024
- (D) **Giao dịch giữa công ty và Kirin Engineering Company, Limited - Taipei Branch - (ĐVT 1000 Đồng)**
Transaction between the Company and the Kirin Engineering Company, Limited - Taipei Branch -- (Unit in 1000 VND)

(1) Mua hàng hóa: 0 (Purchases of goods: 0)

Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (ngày ban hành)

Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Management (date of issue)

- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM241112; ngày/ date: 12/11/2024
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM241218; ngày/ date: 18/12/2024

(E) Giao dịch giữa công ty và Chi nhánh Công ty Kirin Engineering Company, Limited tại Việt Nam - (ĐVT 1000 Đồng)
Transaction between the Company and Kirin Engineering Company, Limited - Vietnam Branch -- (Unit in 1000 VND)

(1) Mua hàng hóa: 0 (Purchases of goods: 0)

Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (ngày ban hành)

Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Management (date of issue)

- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM241112; ngày/ date: 12/11/2024

(F) Giao dịch giữa công ty và Công ty Kirin Holdings Singapore PTE.LTD (KHSPL) - (ĐVT 1000 Đồng)
Transaction between the Company and Kirin Holdings Singapore PTE.LTD (KHSPL) - (Unit in 1000 VND)

(1) Chi cổ tức: 0 (Divident paid: 0)

Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (ngày ban hành)

Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Management (date of issue)

- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM260715; ngày/ date: 15/07/2026

(G) Giao dịch giữa công ty và Công ty Kirin Engineering Company, Limited - (ĐVT 1000 Đồng)

Transaction between the Company and Kirin Engineering Company, Limited - (Unit in 1000 VND)

(1) Mua dịch vụ: 0 (Purchases of service: 0)

Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (ngày ban hành)

Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Management (date of issue)

- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM241112; ngày/ date: 12/11/2024
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM241118; ngày/ date: 18/11/2024
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM251215; ngày/ date: 15/12/2025

(H) Giao dịch giữa công ty và Kirin Engineering Nhật Bản – Thủ chính Dự án Cải tạo Nhà xưởng và Xây mới Nhà kho CTCP Thực phẩm QT - (ĐVT 1000 Đồng)
Transaction between the Company and Japan Kirin Engineering – Main Contractor of Factory Renovation and New Warehouse Construction Project of Interfood Shareholding Company - (Unit in 1000 VND)

(1) Mua dịch vụ: 42.821.401 (Purchases of service: 42,821,401)

Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (ngày ban hành)
Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Management (date of issue)

- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM250602; ngày/ date: 02/06/2025
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM251215; ngày/ date: 15/12/2025
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM260112; ngày/ date: 12/01/2026
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM260122; ngày/ date: 22/01/2026
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM260323; ngày/ date: 23/03/2026
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM260331; ngày/ date: 31/03/2026
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM260428; ngày/ date: 28/04/2026
- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM260629; ngày/ date: 29/06/2026

(1) **Giao dịch giữa công ty và Kyowa Hakko Bio Co., Ltd - (ĐVT 1000 Đồng)**
Transaction between the Company and Kyowa Hakko Bio Co., Ltd - (Unit in 1000 VND)

(1) Mua hàng hóa: 0 (Purchases of goods: 0)

Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (ngày ban hành)
Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Management (date of issue)

- Nghị quyết số/ Resolution No. RBM250715; ngày/ date: 15/07/2025